



KHAI MỞ TIỀM NĂNG AI CỦA VIỆT NAM NĂM 2026

Làn sóng AI tiếp theo đã xuất hiện

Hành trình AI của Việt Nam đang bước sang một giai đoạn mới. Mức độ ứng dụng AI đang gia tăng – hiện **26%** doanh nghiệp đã ứng dụng AI (tăng từ **18%** vào năm ngoái, tương đương tăng **44%** so với cùng kỳ) – và AI đang trở thành một năng lực kinh doanh phổ biến trong toàn bộ nền kinh tế. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp sử dụng AI, ghi nhận những lợi ích có thể đo lường được và kỳ vọng AI sẽ định hình quỹ đạo tăng trưởng của họ trong tương lai.

Các doanh nghiệp ứng dụng AI này đang gặt hái thành quả rõ rệt. **72%** doanh nghiệp hiện đang sử dụng AI ghi nhận mức tăng năng suất có thể đo lường được, trong khi **64%** cho biết AI đã giúp tăng doanh thu (tăng trung bình **15%**, cao hơn mức **11%** mà các doanh nghiệp dự báo vào năm ngoái). Trong tương lai, các doanh nghiệp kỳ vọng những lợi ích này sẽ tiếp tục gia tăng: **78%** doanh nghiệp đang ứng dụng AI tin rằng AI sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong năm tới.

Khi các doanh nghiệp Việt Nam hướng tới việc phát huy những thành quả đã đạt được và khai thác sâu hơn các lợi ích từ AI, những bước đi tiếp theo sẽ đóng vai trò then chốt. Khi làn sóng AI tiếp theo xuất hiện, chẳng hạn như agentic AI (AI tác tử), AI vật lý và robot học tiên tiến, những doanh nghiệp có sự chuẩn bị tốt nhất để khai thác các công nghệ này sẽ nhận được nhiều lợi ích nhất. Doanh nghiệp nào sở hữu nền tảng phù hợp – bao gồm cơ chế quản trị nội bộ, đội ngũ nhân sự có năng lực và chiến lược AI rõ ràng – sẽ có điều kiện thuận lợi nhất để triển khai nhanh chóng.

Bước tiến tiếp theo của Việt Nam sẽ tập trung vào việc chuyển từ ứng dụng AI trên diện rộng sang khai thác trọn tiềm năng của công nghệ này. Nhiều tổ chức vẫn đang ở chặng đầu của hành trình này (giai đoạn tìm hiểu và thử nghiệm), trong khi một nhóm nhỏ đã mở rộng AI trên nhiều chức năng hoặc tích hợp hoàn toàn vào các hoạt động cốt lõi. Đây là những tín hiệu đáng khích lệ trong bối cảnh môi trường kinh doanh năng động của Việt Nam, nơi doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), doanh nghiệp lớn, các công ty khởi nghiệp phát triển trên nền tảng số và những doanh nghiệp đầu ngành đang tiếp cận AI từ những xuất phát điểm rất khác nhau.

Việc xây dựng những nền tảng tổ chức này cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải chứng minh rằng AI đang tạo ra giá trị. Mặc dù mức tăng năng suất, tăng trưởng doanh thu và hiệu quả đầu tư tích cực đã bắt đầu được ghi nhận, các tổ chức vẫn cần được hỗ trợ trong việc đo lường tỷ suất hoàn vốn đầu tư (ROI) hoặc sử dụng các chỉ số hiệu quả hoạt động để định hướng cho các khoản đầu tư trong tương lai. Các khung đo lường chặt chẽ hơn sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển từ thử nghiệm sang mở rộng quy mô dựa trên bằng chứng.

Môi trường chính sách của Việt Nam cũng đang chuyển động mạnh mẽ. Tháng 12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo (số 134/2025/QH15), hiệu lực từ ngày 1/3/2026, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á xây dựng khung pháp lý chuyên biệt về AI dựa trên mức độ rủi ro. Luật này được ban hành cùng với Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật Dữ liệu. Khi các khung pháp lý này được triển khai, doanh nghiệp sẽ cần có sự rõ ràng và mức độ an tâm cao hơn về cách các yêu cầu mới được áp dụng đối với mình – đặc biệt là các tổ chức quy mô nhỏ có năng lực tuân thủ còn hạn chế. Cách thức chuyển hóa các quy định thành hướng dẫn thực tiễn, rõ ràng và có tính dự đoán sẽ quyết định tốc độ mà doanh nghiệp sẵn sàng mở rộng quy mô ứng dụng AI.

Những doanh nghiệp biết kết hợp việc ứng dụng AI với nâng cao kỹ năng, tăng cường quản trị nội bộ, sử dụng AI có trách nhiệm và đo lường minh bạch sẽ có vị thế thuận lợi nhất để biến động lực hiện tại thành năng suất, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng bền vững.

Tình hình ứng dụng AI năm 2026: Dữ liệu khảo sát

- Mức độ ứng dụng AI tại Việt Nam tiếp tục tăng, với **26%** doanh nghiệp hiện đã ứng dụng AI, so với **18%** vào năm ngoái – tăng 8 điểm phần trăm, tương đương tốc độ tăng trưởng **44%** so với cùng kỳ năm ngoái
- Chỉ trong năm vừa qua, khoảng 75.000 doanh nghiệp đã lần đầu tiên ứng dụng AI,¹ tương đương hơn 8 doanh nghiệp mỗi giờ hoặc khoảng 1 doanh nghiệp mỗi 7 phút, nâng tổng số doanh nghiệp ứng dụng AI lên gần 245.000, trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động và đã đăng ký tại Việt Nam theo ước tính
- AI là ưu tiên hàng đầu: **69%** tổng số doanh nghiệp cho biết việc ứng dụng AI là ưu tiên hàng đầu hoặc ưu tiên cao. **73%** cho rằng AI đóng vai trò quan trọng hoặc đặc biệt quan trọng trong chiến lược kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp
- AI đang tạo ra lợi ích: Trong số các doanh nghiệp ứng dụng AI, **72%** ghi nhận mức tăng năng suất nhờ AI (tăng từ **66%** vào năm ngoái), và **78%** kỳ vọng AI sẽ thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp trong năm tới. **64%** cho biết AI đã giúp tăng doanh thu, với mức tăng trung bình **15%**
- Các doanh nghiệp hiện ứng dụng agentic AI đang thu được lợi ích nhanh hơn những doanh nghiệp khác: **68%** trong số này ghi nhận hiệu quả hoạt động hoặc năng suất được cải thiện, trong khi **61%** cho biết tốc độ ra quyết định và triển khai đã được đẩy nhanh
- Đổi mới sáng tạo đang tăng tốc: **66%** doanh nghiệp đã ứng dụng AI cho biết tiến độ đổi mới sáng tạo của họ đã tăng tốc trong hai năm qua. Tỷ lệ này tăng lên **74%** ở nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp
- Mức độ ứng dụng điện toán đám mây, nền tảng của AI, cũng đạt mức cao tương tự: **52%** doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ đám mây, tăng từ **43%** vào năm ngoái
- Phần lớn các doanh nghiệp ứng dụng AI đang ở giai đoạn tìm hiểu hoặc thử nghiệm (**61%**), tạo tiền đề để tiếp tục mở rộng ứng dụng khi chiến lược và cơ chế quản trị ngày càng hoàn thiện. **8%** doanh nghiệp ứng dụng AI đã tích hợp hoàn toàn công nghệ này
- Các doanh nghiệp có triển vọng tích cực và đang xây dựng những khung đo lường chặt chẽ hơn: **71%** doanh nghiệp ứng dụng AI cho biết khoản đầu tư của họ đã đạt điểm hòa vốn hoặc mang lại kết quả tốt hơn. Bước tiếp theo là chuẩn hóa phương thức đo lường tỷ suất hoàn vốn đầu tư (ROI). Trong khi **13%** cho biết hiện đã có một khung đo lường được xác định rõ ràng và áp dụng nhất quán, **46%** cho biết họ chưa có phương thức đáng tin cậy để đo lường ROI từ AI
- Ưu tiên tiếp theo là mức độ sẵn sàng của tổ chức: **17%** doanh nghiệp cảm thấy hoàn toàn sẵn sàng hoặc rất sẵn sàng để ứng dụng các công nghệ AI thế hệ mới, chẳng hạn như agentic AI. **52%** cho rằng tình trạng thiếu hụt nhân lực có kỹ năng về AI và công nghệ số là một rào cản đối với việc ứng dụng AI. Chỉ **21%** có bộ phận chuyên trách về quản trị AI, cho thấy nhu cầu tăng cường năng lực nội bộ khi AI ngày càng được tích hợp sâu rộng vào tổ chức





Cơ hội AI tiếp theo của Việt Nam: Từ thử nghiệm trên diện rộng sang chuyển đổi toàn diện

Xem xét sâu hơn cách các doanh nghiệp triển khai AI, từ giai đoạn thử nghiệm ban đầu đến chuyển đổi toàn diện, có thể thấy nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang ở chặng đầu của hành trình này. Các doanh nghiệp tiếp cận AI từ những xuất phát điểm khác nhau. Các tổ chức quy mô nhỏ thường phải đối mặt với những hạn chế về nguồn lực, ưu tiên đầu tư và năng lực số khác biệt so với các doanh nghiệp lớn. Điều này có nghĩa là tốc độ ứng dụng AI khác nhau giữa các khu vực của nền kinh tế, và quá trình mở rộng thành công cũng sẽ diễn ra với nhịp độ khác nhau trong toàn bộ hệ sinh thái doanh nghiệp:

Giai đoạn đầu

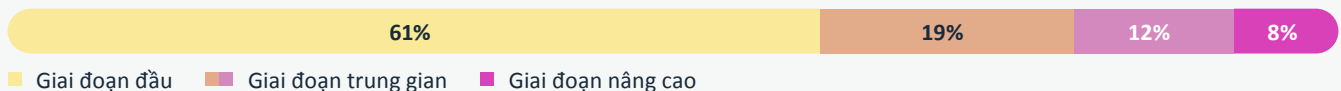
61% doanh nghiệp ứng dụng AI vẫn đang ở giai đoạn tìm hiểu hoặc thử nghiệm

Giai đoạn trung gian:

19% doanh nghiệp đã chuyển sang triển khai AI trong một số chức năng được lựa chọn, trong khi **12%** cho biết đã mở rộng ứng dụng AI trên nhiều chức năng kinh doanh

Giai đoạn nâng cao:

8% cho biết AI đã được tích hợp hoàn toàn vào hoạt động vận hành và đóng vai trò trung tâm trong chiến lược kinh doanh



Các doanh nghiệp Việt Nam đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng đối với việc sử dụng AI trong tương lai. **84%** kỳ vọng mức độ sử dụng AI của họ sẽ tăng trong 12 tháng tới, và **57%** cho rằng tổ chức của mình vẫn còn tiềm năng AI đáng kể chưa được khai thác.

Tốc độ ứng dụng AI đang nhanh hơn quá trình chuẩn hóa, một xu hướng thường thấy trong các chu kỳ phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng. Hiện nay, **23%** doanh nghiệp ứng dụng AI cho biết đã xây dựng chiến lược AI chính thức và toàn diện, gần gấp đôi mức **12%** được ghi nhận vào năm ngoái. Trong đó, **28%** đã thiết lập khung quản trị dữ liệu chính thức, và **19%** đang triển khai các khung AI có trách nhiệm toàn diện, bao quát quản trị, giám sát và quản lý rủi ro. Khi ngày càng nhiều tổ chức chuyển từ giai đoạn thử nghiệm sang vận hành thực tế, các nền tảng này dự kiến cũng sẽ được hoàn thiện tương ứng, tạo ra cơ hội rõ ràng để doanh nghiệp tạo sự khác biệt thông qua việc đầu tư vào quản trị ngay từ bây giờ.

Giai đoạn tiếp theo trong quá trình ứng dụng AI của Việt Nam sẽ phụ thuộc vào việc bảo đảm rằng doanh nghiệp ở mọi quy mô đều có khả năng chuyển từ thử nghiệm sang chuyển đổi. Ngày càng có nhiều yếu tố tạo nên sự khác biệt, trong đó bao gồm chiến lược tổ chức, cơ chế quản trị, năng lực đội ngũ nhân sự và mức độ sẵn sàng về kỹ thuật. Đây là những nền tảng giúp doanh nghiệp vượt ra ngoài việc thử nghiệm AI, tích hợp AI vào hoạt động vận hành và sử dụng công nghệ này để phát triển các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới. Khi các công nghệ AI thế hệ mới như agentic AI xuất hiện và các chu kỳ đổi mới sáng tạo tiếp tục được đẩy nhanh, việc hỗ trợ doanh nghiệp ở mọi quy mô vượt qua giai đoạn ứng dụng ban đầu và hướng tới chuyển đổi toàn diện sẽ đóng vai trò then chốt, nếu Việt Nam muốn khai thác trọn vẹn tiềm năng kinh tế của AI.



Doanh nghiệp cần được hỗ trợ để chứng minh giá trị của AI

Khi đầu tư vào AI ngày càng tăng, các doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu chủ động giải quyết tình trạng thiếu tự tin trong đo lường và định lượng rõ hơn những lợi ích được ghi nhận – tuy nhiên, họ vẫn cần được hỗ trợ nhiều hơn trong hành trình này. Nghiên cứu cho thấy mặc dù các tổ chức ngày càng hoàn thiện phương pháp đo lường, nhiều tổ chức vẫn chưa thực sự tự tin vào khả năng đánh giá mức độ thành công của mình.

Nghiên cứu cho thấy những tín hiệu tích cực về hiệu quả đầu tư: **64%** doanh nghiệp ứng dụng AI cho biết AI đã giúp tăng doanh thu, với mức tăng trung bình **15%**. Tuy nhiên, ngay cả khi nhận thấy những tác động đối với hoạt động vận hành, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa hoàn thiện các khung đo lường chuẩn hóa. Đây là bước tiếp theo quan trọng đối với doanh nghiệp trong việc đo lường tỷ suất hoàn vốn đầu tư (ROI) và củng cố cơ sở cho các khoản đầu tư tiếp theo.

Khi đầu tư vào AI tăng tốc, các tổ chức đang ưu tiên xây dựng những khung đo lường cần thiết để định lượng hiệu quả đầu tư. Bằng chứng rõ ràng hơn về ROI sẽ giúp mở ra thêm các khoản đầu tư và củng cố cơ sở để mở rộng quy mô. **13%** cho biết họ đã có một khung đo lường được xác định rõ ràng và áp dụng nhất quán để xác định thể nào là triển khai AI thành công – tức là một bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá liệu một dự án AI cụ thể có thành công hay không. Tuy nhiên, gần một nửa số tổ chức (**46%**) cho biết họ chưa có phương thức đáng tin cậy để đo lường ROI từ AI, khiến đây trở thành một trong những rào cản lớn nhất đối với việc mở rộng đầu tư. 1/3 tổ chức (**34%**) cho biết họ tự tin vào khả năng đo lường chính xác ROI từ các dự án AI – mặc dù mức độ tự tin này có thể dựa trên các phương pháp chưa đầy đủ hoặc chưa chính thức, thay vì một phương pháp luận chặt chẽ.

Trong số các tổ chức có đo lường hiệu suất AI, trọng tâm thường nằm ở hoạt động thay vì kết quả.



41% cho biết họ chủ yếu theo dõi các chỉ số về hoạt động và mức độ sử dụng, chẳng hạn như tỷ lệ ứng dụng, số lượng truy vấn được xử lý hoặc thời gian tiết kiệm được



27% chủ yếu theo dõi các chỉ số về kết quả kinh doanh, chẳng hạn như tác động đến doanh thu, mức tiết kiệm chi phí hoặc mức độ hài lòng của khách hàng



và **29%** theo dõi sự kết hợp tương đối cân bằng của cả hai nhóm chỉ số này.

Việc đo lường ROI cũng chưa được tích hợp một cách nhất quán vào quá trình ra quyết định về AI. Trong khi **22%** tổ chức cho biết các chỉ số về hiệu suất AI trực tiếp quyết định việc một dự án có được mở rộng hay dừng lại, **41%** cho biết các chỉ số có cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định nhưng chưa được áp dụng nhất quán, và **27%** cho biết các chỉ số hiếm khi hoặc không bao giờ ảnh hưởng đến quyết định mở rộng hoặc dừng các dự án AI.

Tích hợp hoạt động đo lường vào quá trình ra quyết định về AI là ưu tiên rõ ràng tiếp theo.

Tiêu điểm ngành: Dịch vụ tài chính là hình mẫu của ứng dụng AI hiệu quả

41% tổ chức trong lĩnh vực dịch vụ tài chính hiện đang sử dụng AI, so với **26%** doanh nghiệp nói chung. Trong lĩnh vực này, **52%** đang sử dụng thường xuyên nhiều công cụ hoặc công nghệ AI, cho thấy mô hình ứng dụng AI rộng hơn và được tích hợp sâu hơn so với nhiều ngành khác.

Mức độ trưởng thành này thể hiện rõ qua cách ứng dụng AI. So với phần lớn các ngành khác, các tổ chức dịch vụ tài chính có xu hướng sử dụng AI nhiều hơn để phân tích dữ liệu, phát hiện và phòng chống gian lận, cũng như hỗ trợ ra quyết định ở cấp độ cao hơn; đồng thời có xu hướng ghi nhận mức tăng năng suất cao hơn trong các hoạt động tài chính.

Những phát hiện chính bao gồm:

16% tổ chức dịch vụ tài chính cho biết AI đã được tích hợp hoàn toàn vào hoạt động vận hành, so với **8%** trong tổng số doanh nghiệp nói chung ứng dụng AI

16%

57% đang sử dụng AI để phát hiện và phòng chống gian lận, so với **21%** ở tất cả các ngành

57%

66% đang sử dụng AI để hỗ trợ phân tích dữ liệu, so với **43%** nói chung

66%

79% ghi nhận mức tăng năng suất, so với **72%** trên toàn bộ doanh nghiệp

79%

Tuy nhiên, ngành dịch vụ tài chính cũng cho thấy những hạn chế mà ngay cả các ngành có mức độ ứng dụng AI tiên tiến hơn vẫn phải đối mặt

49% cho rằng thiếu hụt nhân lực có kỹ năng về AI và công nghệ số là một rào cản đối với việc ứng dụng hoặc mở rộng AI

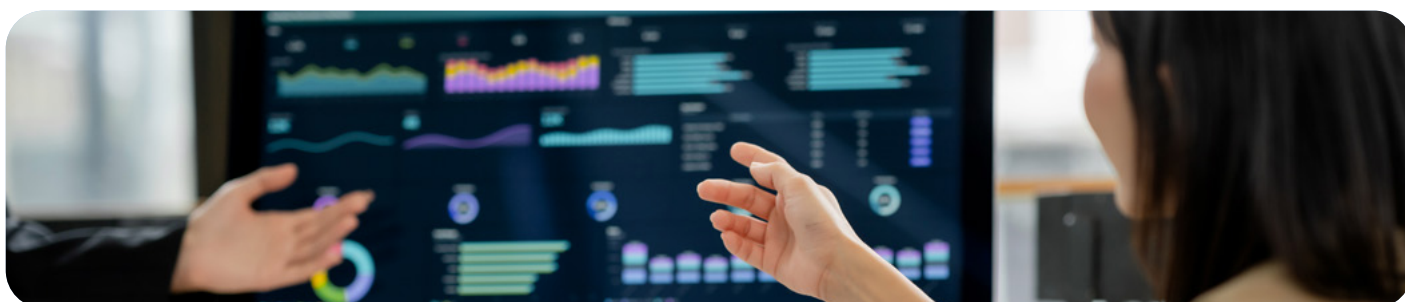
49%

trong khi **51%** cho rằng các rào cản về kỹ thuật hoặc dữ liệu, chẳng hạn như hệ thống cũ, chất lượng dữ liệu thấp hoặc những thách thức trong tích hợp, là lý do khiến họ chưa thể đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ.

51%

Khi các tổ chức dịch vụ tài chính vượt qua giai đoạn thử nghiệm và bắt đầu triển khai AI trong các chức năng có giá trị cao, mang tính trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh, quản trị ngày càng trở nên quan trọng để bảo đảm AI có thể được mở rộng một cách an toàn, có trách nhiệm và nhất quán. **38%** tổ chức dịch vụ tài chính cho biết đã có chiến lược hoặc lộ trình AI chính thức (so với **23%** ở tổng thể doanh nghiệp), trong khi **29%** đã có khung AI có trách nhiệm chính thức (so với **19%** ở tổng thể doanh nghiệp).

Kinh nghiệm của ngành dịch vụ tài chính cho thấy cả g cơ hội lẫn thách thức mà các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt. AI có thể mang lại những lợi ích vận hành đo lường được, đặc biệt trong các chức năng có giá trị cao như phát hiện gian lận, giám sát rủi ro và dự báo tài chính. Tuy nhiên, để mở rộng những lợi ích này đòi hỏi nhiều hơn là chỉ ứng dụng AI: nó phụ thuộc vào đội ngũ nhân sự có kỹ năng, nền tảng dữ liệu vững chắc, cơ chế quản trị hiệu quả và các khung đo lường rõ ràng. Bên cạnh những năng lực về tổ chức này, một môi trường chính sách hỗ trợ cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo liên tục trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Khi các trường hợp ứng dụng AI trở nên phức tạp hơn và đòi hỏi nhiều dữ liệu hơn, các chính sách tạo điều kiện cho việc sử dụng dữ liệu có trách nhiệm và giảm bớt những rào cản không cần thiết đối với đổi mới sáng tạo sẽ hỗ trợ bảo đảm rằng các tổ chức có thể tiếp tục mở rộng ứng dụng AI một cách bảo mật và hiệu quả.



Tường hợp điển hình: TCBS triển khai agentic AI để thúc đẩy đổi mới sáng tạo



TCBS, một trong những công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu Việt Nam và thành viên của Techcombank, đã triển khai toàn diện Kiro - môi trường lập trình agentic AI của AWS - trên toàn bộ tổ chức với hơn 460 người dùng, bao gồm **100%** kỹ sư và **40%** nhân sự phi kỹ thuật.

Với Kiro, TCBS rút ngắn gần **25%** thời gian phát triển tính năng từ backlog đến phát hành sản phẩm, đồng thời hoàn thành ba sản phẩm nền tảng quan trọng chỉ trong một quý, mỗi sản phẩm đều trước thời hạn: tính năng IPO đăng ký mua cổ phiếu IPO trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam (hơn **26.220** nhà đầu tư, lượng đăng ký vượt 2,5 lần mức chào bán), tính năng Miễn Ký Quỹ Trước (NPF) cho nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, và nền tảng đầu tư tự động TCWealth (Đầu tư theo mục tiêu) - hơn 40.000 người dùng, tỷ lệ chuyển đổi **49,8%**. Khoảng **70%** mã nguồn do AI tạo ra được duyệt ngay lần đầu, chưa có sự vận hành nào phát sinh từ mã nguồn AI.

“Việc triển khai Kiro trên toàn bộ tổ chức đã thay đổi bài toán kinh tế của đổi mới sáng tạo tại TCBS, giúp chúng tôi đưa sản phẩm tài chính ra thị trường nhanh hơn, nắm bắt cơ hội thị trường kịp thời hơn, và gia tăng giá trị cho nhà đầu tư.” – Ông Nguyễn Xuân Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị TCBS





Doanh nghiệp cần hướng tới làn sóng AI tiếp theo: Agentic AI

Một số doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu hướng tới làn sóng công nghệ tiếp theo, bao gồm agentic AI, AI vật lý và robot tiên tiến. Ranh giới công nghệ đang dịch chuyển nhanh chóng, và những doanh nghiệp có sự chuẩn bị để ứng dụng các công nghệ mới này sẽ có khả năng giành được lợi thế cạnh tranh.

Mức độ nhận biết về agentic AI vẫn đang ở giai đoạn đầu, phản ánh thực tế rằng công nghệ này vẫn còn khá mới đối với nhiều doanh nghiệp. Chỉ chưa đến 4/10 doanh nghiệp (**38%**) cho biết đã từng nghe đến agentic AI. Trong nhóm này, **4%** cho biết đã triển khai hoàn toàn, trong khi **19%** khác đang thử nghiệm hoặc triển khai thí điểm công nghệ này.

Tuy nhiên, những doanh nghiệp tiên phong này đang thu được những lợi ích vượt trội. Khi được hỏi về cách agentic AI thúc đẩy hoạt động kinh doanh và đổi mới sáng tạo, **68%** doanh nghiệp ứng dụng agentic AI cho biết hiệu quả hoạt động hoặc năng suất đã tăng, **61%** ghi nhận tốc độ ra quyết định và triển khai thực hiện nhanh hơn, và **49%** cho biết khả năng mở rộng hoạt động vận hành đã được cải thiện.

Trong số các doanh nghiệp ứng dụng agentic AI

81% ghi nhận mức tăng năng suất nhờ AI

81%

so với **72%** trong tổng số doanh nghiệp ứng dụng AI

72%

và 86% kỳ vọng AI sẽ thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp trong năm tới

86%

so với **78%**

78%

73% cho biết AI đã giúp tăng doanh thu

73%

so với **64%**, với mức tăng trung bình khoảng **18%** (so với **15%**).

64%

Điều đáng chú ý hơn là định hướng tiếp theo mà các doanh nghiệp đang hướng tới. **46%** doanh nghiệp đã từng nghe đến agentic AI cho biết họ có kế hoạch sử dụng hoặc đang cân nhắc sử dụng công nghệ này, điều này cho thấy nhu cầu mạnh mẽ đối với thể hệ AI tiếp theo, ngay cả khi việc triển khai vẫn đang ở giai đoạn đầu.

Khi tín hiệu nhu cầu đã rõ ràng, bước tiếp theo là xây dựng mức độ sẵn sàng để hiện thực hóa nhu cầu đó. Hiện nay, **17%** doanh nghiệp cho biết họ cảm thấy hoàn toàn sẵn sàng hoặc rất sẵn sàng để ứng dụng AI thế hệ mới. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông dẫn đầu với **34%**, tiếp theo là dịch vụ tài chính (**31%**) và các doanh nghiệp khởi nghiệp (**29%**), cho thấy những mô hình rõ ràng để các lĩnh vực còn lại của nền kinh tế noi theo. **41%** tổng số doanh nghiệp cho biết họ chỉ tương đối sẵn sàng, **25%** cho biết chỉ sẵn sàng ở mức thấp, và **13%** hoàn toàn chưa sẵn sàng để ứng dụng AI thế hệ mới.

Các doanh nghiệp nêu ra những lý do sau đây cho việc chưa sẵn sàng đón nhận thể hệ AI tiếp theo:

- **52%** cho rằng thiếu hụt nhân lực có kỹ năng về AI và công nghệ số là một rào cản đối với việc ứng dụng các công nghệ thể hệ mới, trong khi **44%** chỉ ra các rào cản về kỹ thuật hoặc dữ liệu
- **37%** cho rằng năng lực nhân sự nội bộ chưa đáp ứng đủ yêu cầu
- **33%** cho rằng khả năng tiếp cận các công cụ hoặc cơ sở hạ tầng AI thế hệ mới còn hạn chế

Trường hợp điển hình: Diaflow mở rộng quy mô điều phối AI Agent trên toàn cầu với AWS



Diaflow là nền tảng điều phối AI Agent cấp doanh nghiệp, được phát triển tại Việt Nam và đang mở rộng quy mô trên toàn cầu. Được thành lập và vận hành bởi một đội ngũ tại Việt Nam, Diaflow nhanh chóng chinh phục thị trường quốc tế – với **75%** trong tổng số hơn 40.000 người dùng của nền tảng hiện ở Hoa Kỳ.

Diaflow sử dụng Amazon Bedrock để cung cấp cho khách hàng B2B khả năng tiếp cận liền mạch với các mô hình nền tảng mới nhất, đồng thời tập trung năng lực kỹ thuật cốt lõi vào điều phối quy trình làm việc, quản trị thực thi và phối hợp đa tác tử (multi-agent). Điều này giúp khách hàng luôn được tiếp cận các năng lực AI tiên tiến nhất mà không phải đánh đổi về bảo mật cấp doanh nghiệp.

Việc xây dựng trên nền tảng hạ tầng AWS đã giúp Diaflow tăng tốc độ triển khai lên gấp ba lần, đồng thời duy trì mức độ khả dụng hệ thống **99,99%** trong các khối lượng công việc được thực thi đồng thời cao và giảm **35%** chi phí cơ sở hạ tầng trên mỗi tác vụ.

Với hơn 100 triệu tác vụ AI đã được thực thi tính đến nay, Diaflow cho thấy các doanh nghiệp khởi nghiệp AI được thành lập tại Việt Nam có thể nhanh chóng mở rộng quy mô để cạnh tranh trên thị trường tự động hóa agentic AI B2B toàn cầu.

“AWS cung cấp cho chúng tôi nền tảng để phát triển nhanh chóng mà không phải đánh đổi về bảo mật cấp doanh nghiệp. Amazon Bedrock cho phép khách hàng của chúng tôi ngay lập tức tiếp cận các mô hình AI tiên tiến nhất, trong khi chúng tôi tập trung vào những thế mạnh khác biệt của mình: khả năng điều phối, quản trị và phối hợp đa tác tử trên quy mô lớn”. – Jonathan Viet Pham, CEO, Diaflow



Thách thức tiếp theo về kỹ năng AI: năng lực phán đoán, không chỉ chuyên môn kỹ thuật

Thách thức về kỹ năng AI của Việt Nam đang thay đổi – vấn đề không còn đơn thuần là khả năng tiếp cận nhân lực kỹ thuật, mà là đảm bảo các tổ chức có cơ chế quản trị nội bộ, năng lực đội ngũ nhân sự và quy trình ra quyết định cần thiết để sử dụng AI một cách tự tin và có trách nhiệm. Khi AI ngày càng được tích hợp sâu vào hoạt động kinh doanh, những tổ chức đầu tư đồng thời vào quản trị nội bộ và năng lực đội ngũ nhân sự sẽ có vị thế tốt hơn để vượt qua giai đoạn thử nghiệm và mở rộng AI thành công.

Tiếp tục phát triển nền tảng kỹ năng của Việt Nam là yếu tố then chốt để thúc đẩy quá trình ứng dụng AI rộng hơn và tích hợp AI sâu hơn. **54%** tổ chức xác định tình trạng thiếu hụt kỹ năng về AI và công nghệ số là một rào cản đối với việc ứng dụng hoặc mở rộng AI. Các doanh nghiệp đã nhận thức được điều này, trong đó **26%** người lao động đã tham gia hoạt động đào tạo hoặc nâng cao kỹ năng số trong năm vừa qua – tăng từ mức **19%** vào năm ngoái. Các hình thức đào tạo mà doanh nghiệp đã triển khai gồm chương trình đào tạo nội bộ (**43%**), nền tảng học tập trực tuyến (**36%**) và các khóa đào tạo bên ngoài (**31%**). Doanh nghiệp đang đầu tư thực chất cho sự chuyển dịch này: họ sẵn sàng tăng mức lương đề xuất trung bình **41%** cho ứng viên có kỹ năng AI tốt, và **87%** cho rằng đào tạo lại cho đội ngũ hiện tại là yếu tố quan trọng trong chiến lược AI của doanh nghiệp.

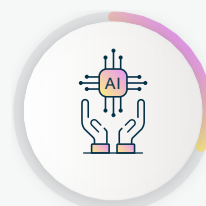
Tuy nhiên, vấn đề về kỹ năng còn trở nên phức tạp hơn do sự thay đổi sâu sắc về năng lực mà các tổ chức hiện cần có. Khi các hệ thống AI ngày càng có năng lực cao hơn, thách thức không còn chỉ nằm ở khả năng tiếp cận chuyên môn kỹ thuật – các doanh nghiệp xác định năng lực phán đoán của con người là năng lực then chốt đối với lực lượng lao động được hỗ trợ bởi AI.

57% lãnh đạo doanh nghiệp kỳ vọng các kỹ năng như diễn giải, xác thực và phản biện các kết quả do AI tạo ra sẽ ngày càng trở nên quan trọng trong 5 năm tới. Khi được hỏi về những kỹ năng phi kỹ thuật sẽ trở nên quan trọng hơn, **62%** cho rằng đó là tư duy phản biện và năng lực phán đoán, **58%** đề cập đến khả năng thích ứng và học hỏi liên tục, và **44%** nhấn mạnh năng lực suy luận đạo đức và sử dụng AI có trách nhiệm là những kỹ năng sẽ trở nên quan trọng hơn khi mức độ ứng dụng AI gia tăng. Điều này phản ánh nhận thức ngày càng rõ ràng tương lai của công việc không chỉ phụ thuộc vào việc sử dụng AI, mà còn phụ thuộc vào khả năng hiểu khi nào có thể tin cậy AI, khi nào cần chất vấn và khi nào cần có sự can thiệp của con người.

Các tổ chức vẫn đang chuẩn bị cho sự chuyển dịch này.



38% cho biết nhân viên của họ chưa tự tin trong việc xác định khi nào nên tin cậy kết quả của AI và khi nào cần phản biện chúng



Nhân viên đang bắt đầu tiếp cận AI theo cách bài bản hơn và với nhận thức rõ hơn. Gần một phần ba (**31%**) cho biết các kết quả do AI tạo ra thường xuyên được kiểm chứng hoặc xác thực trước khi sử dụng, mặc dù **27%** cho biết nhân viên chủ yếu chấp nhận các đầu ra này với mức độ giám sát hạn chế

Những khoảng trống về quản trị càng làm gia tăng thách thức:



51% tổ chức chưa có hướng dẫn rõ ràng về thời điểm nhân viên cần báo cáo lên cấp trên hoặc can thiệp để thay thế các quyết định do AI đưa ra



21% có đội ngũ hoặc bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm về quản trị AI và các vấn đề pháp lý, quy định; với các tổ chức còn lại, trách nhiệm này thường được phân chia giữa các bộ phận hiện có như CNTT, pháp chế và tuân thủ, hoặc ban lãnh đạo

Tiêu điểm ngành: Ngành Y tế cho thấy giá trị thực tiễn của AI dù còn hạn chế về nguồn lực

Mặc dù lĩnh vực y tế từ lâu phải đối mặt với những hạn chế về nguồn lực và nhân lực, ngày càng có nhiều tổ chức sử dụng AI để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ ra quyết định và tinh gọn các quy trình hành chính.

23% tổ chức y tế cho biết hiện đang sử dụng AI, trong khi **6%** cho biết AI đã được tích hợp hoàn toàn. **72%** doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế cho rằng AI sẽ làm thay đổi ngành của họ trong 5 năm tới.

Sự lạc quan này được thể hiện qua cách các doanh nghiệp đang ứng dụng AI:

54% đang sử dụng AI để hỗ trợ hiệu quả hành chính, so với **39%** trên tất cả các ngành

54%

47% đang sử dụng AI để hỗ trợ phân tích dữ liệu và ra quyết định, so với **43%** nói chung

47%

69% tổ chức y tế ghi nhận mức tăng năng suất nhờ ứng dụng AI

69%

Trong lĩnh vực y tế, những lĩnh vực cần được đẩy mạnh chủ yếu là quản trị và năng lực

17% tổ chức y tế cho biết đã có chiến lược AI chính thức

17%

trong khi **13%** đã xây dựng khung AI có trách nhiệm

13%

Điều này cho thấy nhiều tổ chức đang nhận thấy những lợi ích từ AI nhưng vẫn chưa thiết lập được các cơ cấu cần thiết để tự tin mở rộng triển khai một cách nhất quán.

Lĩnh vực y tế phản ánh một xu hướng rộng hơn trong toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Các tổ chức có thể nhìn thấy rõ giá trị của AI và ngày càng tích cực ứng dụng công nghệ này, nhưng nhiều tổ chức vẫn gặp khó khăn trong việc chuyển từ các trường hợp ứng dụng riêng lẻ sang chuyển đổi toàn diện. Bài học rút ra rất rõ ràng: thành công sẽ phụ thuộc vào đầu tư cho con người, quản trị và mức độ sẵn sàng của tổ chức. Những tổ chức có khả năng kết hợp cả ba yếu tố này sẽ có vị thế thuận lợi để chuyển việc ứng dụng AI thành tác động lâu dài.



Nghiên cứu điển hình: OmiGroup xây dựng hệ thống suy luận nhân quả dựa trên bằng chứng y khoa cho bệnh mạn tính trên AWS



OmiGroup, công ty công nghệ y tế Việt Nam với 14 năm kinh nghiệm, đã phát triển OmiKG - concept hệ thống suy luận AI có khả năng truy vết cơ chế bệnh mạn tính đến cấp độ phân tử. Chỉ với một đội năm người, OmiKG được xây dựng hoàn toàn trên nền tảng dịch vụ AWS, mang đến cách tiếp cận khác biệt so với các công cụ AI thông thường vốn hoạt động như “hộp đen”: OmiKG ánh xạ dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân lên đồ thị tri thức dựa trên bằng chứng y khoa về cơ chế bệnh lý, trong đó mọi mối quan hệ nhân quả đều được liên kết trực tiếp với các công trình nghiên cứu đã qua bình duyệt. Dịch vụ Amazon Bedrock đóng vai trò nền tảng cho hai năng lực cốt lõi: trích xuất mối quan hệ nhân quả từ tài liệu y sinh học, và phân tích chuỗi nhân quả theo từng bệnh nhân cụ thể trong thời gian thực.

Trong một đánh giá có kiểm soát, hai chuyên gia lâm sàng độc lập đã thẩm định “mù” (blind) OmiKG trên 20 câu hỏi về cơ chế bệnh đái tháo đường tuýp 2. Kết quả: OmiKG nhận diện được 15 trên 17 cơ chế phân tử đại diện - trong khi hai phương pháp AI khác chỉ nhận diện được lần lượt một và không cơ chế nào - đồng thời vẫn bao quát các phạm vi kiến thức khác tương đương các công cụ AI thông thường. Sau khi xác thực concept này thành công, OmiGroup đang triển khai các chương trình thí điểm tích hợp lâm sàng cùng các đối tác nền tảng dữ liệu y tế, đồng thời tìm kiếm cơ hội ứng dụng thực tế tại Việt Nam, Nhật Bản và Hàn Quốc.

“Chúng tôi bắt đầu với hệ thống tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân đái tháo đường, và nhanh chóng nhận ra thách thức lớn nhất không nằm ở độ chính xác - mà ở khả năng kiểm chứng. Khi không thể truy vết cách một mô hình AI đưa ra kết luận, bác sĩ sẽ không thể đặt niềm tin vào mô hình đó. Chính nhận thức đó đã thúc đẩy chúng tôi chuyển hướng sang cách tiếp cận suy luận có cấu trúc, dựa trên bằng chứng - và Amazon Bedrock đã giúp một nhóm nghiên cứu chỉ năm người phát triển, xác thực hệ thống với tốc độ mà bình thường đòi hỏi nguồn lực lớn hơn rất nhiều,” - chị Nhung Nguyễn, Trưởng bộ phận Nghiên cứu AI, OmiGroup





Khuyến nghị: Khai mở tương lai AI của Việt Nam

Các doanh nghiệp Việt Nam lạc quan về tiềm năng của AI, mức độ ứng dụng đang tăng tốc và những nền tảng số vững chắc đã được hình thành. Thách thức hiện nay là bảo đảm các tổ chức trong toàn bộ nền kinh tế có đủ kỹ năng, sự tự tin, cơ sở hạ tầng và môi trường chính sách cần thiết để vượt qua giai đoạn thử nghiệm và khai thác AI trên quy mô lớn. Doanh nghiệp đang phải đối mặt với những rào cản trong việc ứng dụng AI tương tự như báo cáo năm ngoái. Tuy nhiên, cả doanh nghiệp và Chính phủ đều đang triển khai các biện pháp để giải quyết những thách thức này.

Các khuyến nghị dưới đây xác định sáu hành động ưu tiên nhằm tiếp tục hỗ trợ việc khai mở giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của Việt Nam nhờ AI.

1. Đẩy nhanh mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp cho làn sóng AI tiếp theo

Doanh nghiệp Việt Nam đã ứng dụng AI, nhưng phần lớn vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm thay vì chuyển đổi. Khi các công nghệ thế hệ mới như agentic AI xuất hiện, những doanh nghiệp được hưởng lợi sẽ là những doanh nghiệp đã xây dựng sẵn các nền tảng phù hợp. Hai hành động hữu ích được khuyến nghị:

1. Vượt ra ngoài các dự án thí điểm riêng lẻ bằng cách xác định những trường hợp ứng dụng AI có lộ trình rõ ràng nhất để triển khai trên toàn tổ chức và phân bổ đầy đủ nguồn lực cho các trường hợp đó.
2. Xây dựng nền tảng kỹ thuật làm cơ sở cho việc mở rộng quy mô ứng dụng AI – bao gồm khả năng tiếp cận hạ tầng AI đáng tin cậy và chuyên môn nội bộ hoặc từ đối tác để triển khai.

Các nhà hoạch định chính sách, hiệp hội ngành nghề và nhà cung cấp công nghệ có thể hỗ trợ quá trình này bằng cách cải thiện khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng, hỗ trợ triển khai và hướng dẫn thực tiễn – giúp doanh nghiệp chuyển từ các dự án thí điểm riêng lẻ sang triển khai toàn diện, đồng thời hiện thực hóa những lợi ích về năng suất và đổi mới sáng tạo từ AI. Khi Việt Nam triển khai các khung pháp lý mới về dữ liệu, bao gồm Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Luật An ninh mạng, các quy định rõ ràng và khả thi về luồng dữ liệu xuyên biên giới cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp tiếp cận các công cụ, cơ sở hạ tầng và dịch vụ AI cần thiết để mở rộng quy mô.

2. Xây dựng niềm tin vào đầu tư AI thông qua các khung ROI và đo lường hiệu quả hơn

Doanh nghiệp Việt Nam sẵn sàng đầu tư vào AI. Điều họ cần lúc này là một phương thức rõ ràng để biết liệu khoản đầu tư đó có thực sự mang lại hiệu quả hay không. Khuyến nghị thực hiện ba bước hữu ích:

1. Xác định các chỉ số đánh giá thành công trước khi triển khai bất kỳ dự án AI nào. Gắn các chỉ số này với những kết quả kinh doanh cụ thể, như giảm chi phí, tăng tốc độ xử lý hoặc nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng
2. Định kỳ đối chiếu kết quả với các chỉ số đã đề ra và với các doanh nghiệp cùng ngành khi có dữ liệu phù hợp.
3. Sử dụng những bằng chứng này để đưa ra quyết định có cơ sở về việc mở rộng, điều chỉnh hoặc dừng từng dự án.

Chính phủ và các hiệp hội ngành nghề có thể hỗ trợ bằng cách xây dựng các bộ công cụ đo lường thực tiễn và công bố các nghiên cứu điển hình theo từng ngành, qua đó cho thấy thế nào là mức “ROI tốt” trong thực tế.

3. Hỗ trợ triển khai Luật AI mới của Việt Nam một cách hiệu quả và thuận lợi cho đổi mới sáng tạo

Việt Nam đã sớm xây dựng cơ chế quản trị AI. Luật Trí tuệ nhân tạo (số 134/2025/QH15), có hiệu lực từ ngày 1/3/2026, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á có khung pháp lý chuyên biệt, dựa trên mức độ rủi ro đối với AI – bao gồm các nghĩa vụ được phân tầng và điều chỉnh theo mức độ rủi ro, trách nhiệm được chia sẻ trong toàn bộ chuỗi giá trị AI, cơ chế thử nghiệm (sandbox) có kiểm soát và các giai đoạn chuyển tiếp để doanh nghiệp thích ứng. Cơ hội hiện nay nằm ở khâu triển khai: chuyển hóa khung pháp lý của luật thành các quy định rõ ràng, có tính dự đoán, qua đó củng cố niềm tin để mở rộng AI, đồng thời quản lý rủi ro phù hợp. Hai bước sau sẽ giúp doanh nghiệp định hướng trong lĩnh vực này:

1. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế có tính liên thông và các thông lệ tốt do ngành dẫn dắt để chứng minh việc sử dụng AI có trách nhiệm, thay vì phải xử lý các yêu cầu trùng lặp và khác nhau theo từng khu vực pháp lý.
2. Tận dụng đầy đủ các cơ chế mà luật đã quy định: cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, cho phép doanh nghiệp thử nghiệm các ứng dụng AI đổi mới dưới sự giám sát; và các giai đoạn chuyển tiếp, tạo thời gian để các tổ chức xây dựng năng lực quản trị theo yêu cầu của luật.

Sau khi danh mục AI có rủi ro cao được ban hành vào tháng 6/2026 (Quyết định 33/2026, có hiệu lực từ ngày 15/8), các nhà hoạch định chính sách có thể hỗ trợ bằng cách duy trì định nghĩa rõ ràng và có tính dự đoán về các hệ thống AI có rủi ro cao. Hoạt động triển khai nên tập trung các nghĩa vụ tuân thủ vào những ứng dụng có kết quả thực sự đáng kể, như nghiên cứu phát triển thuốc, an toàn giao thông hoặc các hệ thống y tế, thay vì áp dụng rộng rãi, để nỗ lực quản trị được tập trung vào những lĩnh vực quan trọng nhất và doanh nghiệp có được sự chắc chắn cần thiết khi ra quyết định đầu tư. Việc sớm ban hành hướng dẫn triển khai, tham vấn chặt chẽ với ngành, đồng thời thống nhất các nghị định hướng dẫn và hướng dẫn kỹ thuật với các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt do ngành dẫn dắt sẽ thúc đẩy đối thoại giữa các bên liên quan và tăng cường khả năng liên thông với các cách tiếp cận ở cấp khu vực và quốc tế. Khu vực công cũng có thể đi tiên phong bằng cách làm gương – ứng dụng AI để chuyển đổi phương thức cung cấp dịch vụ công và cho thấy rằng quản trị tương xứng với rủi ro thực tế, có thể thúc đẩy đổi mới sáng tạo thay vì trở thành rào cản.

4. Tăng cường nền tảng cơ sở hạ tầng để làm tiền đề cho việc ứng dụng AI quy mô lớn

Việc ứng dụng AI trên quy mô lớn về lâu dài được xây dựng trên nền tảng hạ tầng vật lý và hạ tầng số: nguồn điện ổn định, các trung tâm dữ liệu hiện đại và khả năng tiếp cận các dịch vụ điện toán và đám mây với chi phí hợp lý. Khi doanh nghiệp Việt Nam chuyển từ thử nghiệm sang triển khai, đồng thời xuất hiện các công nghệ đòi hỏi nhiều dữ liệu và năng lực tính toán hơn như agentic AI, nhu cầu đối với lớp hạ tầng này sẽ tăng nhanh – **33%** doanh nghiệp cho rằng khả năng tiếp cận hạn chế với các công cụ hoặc hạ tầng AI thể hệ mới là rào cản. Hai bước dưới đây sẽ giúp doanh nghiệp giải quyết vấn đề này:

1. Sử dụng các dịch vụ đám mây và hạ tầng được quản lý thay vì chỉ dựa vào năng lực nội bộ, để việc mở rộng khối lượng công việc AI không bị hạn chế bởi những giới hạn của hạ tầng vật lý.
2. Đánh giá nhu cầu về cơ sở hạ tầng – năng lực tính toán, dữ liệu và kết nối – ngay từ giai đoạn lập kế hoạch AI, để xác định các hạn chế trước khi triển khai thay vì trong quá trình triển khai.

Các nhà hoạch định chính sách có thể hỗ trợ bằng cách coi cơ sở hạ tầng số là hạ tầng chiến lược quốc gia – đầu tư vào nguồn điện và năng lực lưới điện ổn định, bền vững để khả năng cung ứng năng lượng không trở thành trở ngại đối với tăng trưởng số; tinh gọn các quy trình quy hoạch và phê duyệt đối với trung tâm dữ liệu và hạ tầng năng lượng hỗ trợ, để năng lực có thể được phát triển theo tốc độ tăng của nhu cầu; phối hợp công tác quy hoạch năng lượng và quy hoạch số; đẩy nhanh quá trình phê duyệt; và xây dựng các cơ chế giúp doanh nghiệp ở mọi quy mô tiếp cận năng lực tính toán và điện toán đám mây với chi phí hợp lý, tạo tiền đề cho làn sóng AI mới – bảo đảm lợi ích từ hạ tầng AI không chỉ tập trung vào các tổ chức lớn nhất.

5. Xây dựng năng lực con người để làm việc hiệu quả cùng AI

Khi AI ngày càng được tích hợp vào hoạt động hằng ngày, thách thức về AI của Việt Nam xét cho cùng vẫn là vấn đề về con người. Tình trạng thiếu hụt kỹ năng kỹ thuật vẫn tồn tại, nhưng doanh nghiệp hiện nay cũng nhận thức rằng năng lực phán đoán, giám sát và khả năng làm việc hiệu quả cùng AI quan trọng không kém. Việc thu hẹp khoảng cách này đòi hỏi đầu tư trên toàn bộ phạm vi năng lực. Dưới đây là ba bước hữu ích:

- Mở rộng định nghĩa về “kỹ năng AI” vượt ra ngoài các vai trò kỹ thuật. Các tổ chức cần nhà khoa học và kỹ sư dữ liệu, nhưng đồng thời cũng cần những chuyên gia có khả năng diễn giải kết quả của AI, đưa ra phán đoán đối với các khuyến nghị tự động và xác định khi nào cần có sự can thiệp của con người.
- Phổ cập kiến thức AI trong toàn bộ lực lượng lao động – không chỉ trong các đội ngũ công nghệ mà cả ở những bộ phận ngày càng ứng dụng AI như vận hành, tài chính, dịch vụ khách hàng và các vị trí liên quan đến ra quyết định. Điều này đòi hỏi các chương trình đào tạo thực tiễn, phù hợp với từng vai trò, thay vì các chương trình nâng cao nhận thức chung chung.
- Xây dựng lộ trình học tập liên tục có cấu trúc, đồng thời nhận thức rằng năng lực AI đang phát triển nhanh chóng. Quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục và Chính phủ có thể giúp bảo đảm nguồn nhân lực được đào tạo theo kịp sự phát triển của công nghệ.

Các nhà hoạch định chính sách và hiệp hội ngành nghề có thể hỗ trợ bằng cách đầu tư vào các chương trình nâng cao kỹ năng có khả năng mở rộng, tích hợp kiến thức và kỹ năng cơ bản về AI vào chiến lược giáo dục và phát triển lực lượng lao động quốc gia, đồng thời tạo động lực để doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) – đầu tư xây dựng những năng lực này trong nội bộ.

6. Phát huy vai trò của các ngành dẫn đầu để đẩy nhanh ứng dụng AI trong toàn bộ nền kinh tế

Các ngành như dịch vụ tài chính và y tế đã cho thấy mô hình triển khai AI hiệu quả, mang lại những lợi ích có thể đo lường được về năng suất, hoạt động vận hành và khách hàng. Kinh nghiệm của họ là nguồn tham khảo để các lĩnh vực còn lại của nền kinh tế học hỏi. Sau đây là hai bước hữu ích:

- Ghi nhận và chia sẻ những cách làm hiệu quả bằng cách tài liệu hóa các trường hợp ứng dụng, phương thức triển khai và bài học kinh nghiệm từ những ngành đang đi trước.
- Hợp tác với các doanh nghiệp và chính phủ khác để minh chứng và thúc đẩy các phương thức sử dụng AI hiệu quả nhất, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các ngành và các tổ chức, qua đó giúp việc ứng dụng AI lan rộng nhanh hơn so với khả năng mà bất kỳ tổ chức đơn lẻ nào có thể đạt được.

Các nhà hoạch định chính sách có thể hỗ trợ bằng cách chuyển hóa những cách làm hiệu quả thành hướng dẫn dành riêng cho từng ngành, giúp doanh nghiệp thấy được AI có thể được áp dụng như thế nào vào hoạt động của mình thay vì phải bắt đầu từ con số không; đồng thời kết hợp hướng dẫn này với hỗ trợ triển khai thực tiễn để giúp doanh nghiệp áp dụng, bất kể quy mô hay xuất phát điểm. Tạo cơ hội chia sẻ kiến thức và làm nổi bật những trường hợp ứng dụng thành công sẽ giúp giảm tình trạng bất định, đẩy nhanh ứng dụng và bảo đảm các doanh nghiệp trên khắp Việt Nam có thể hưởng lợi từ AI.





Từ ứng dụng đến tác động: Thời cơ để Việt Nam tăng tốc

Việt Nam đã bước vào một giai đoạn mới trong hành trình phát triển AI. Mức độ ứng dụng tiếp tục tăng tốc, doanh nghiệp đang ghi nhận những cải thiện về năng suất và doanh thu, và AI được nhìn nhận là yếu tố then chốt đối với năng lực cạnh tranh trong tương lai. Trọng tâm giờ đây cần chuyển sang việc bảo đảm động lực này được chuyển hóa thành quá trình chuyển đổi trên toàn tổ chức. Mặc dù nhiều doanh nghiệp đã tích cực ứng dụng AI, việc ứng dụng sâu rộng và tiên tiến hơn sẽ đòi hỏi tăng cường phát triển các chiến lược, cơ chế quản trị, khung đo lường và năng lực đội ngũ nhân sự cần thiết để mở rộng AI một cách tự tin, đồng thời chuẩn bị cho công nghệ AI thế hệ mới.

Việt Nam đang ở vị thế thuận lợi để nắm bắt cơ hội này. Khi các chu kỳ đổi mới sáng tạo tiếp tục được đẩy nhanh, những doanh nghiệp củng cố được các nền tảng này sẽ có điều kiện thuận lợi để vượt ra ngoài các trường hợp ứng dụng AI riêng lẻ và khai thác AI như một động lực thúc đẩy năng suất, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng. Bằng cách hỗ trợ các tổ chức thuộc mọi quy mô mở rộng AI một cách có trách nhiệm, Việt Nam có thể đảm bảo các lợi ích của AI được hiện thực hóa trong toàn bộ nền kinh tế và củng cố vị thế là một trong những nền kinh tế số hàng đầu Đông Nam Á.

Phụ lục

Phương pháp luận

Công tác khảo sát thực địa cho nghiên cứu này được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Strand Partners theo ủy nhiệm của Amazon Web Services. Nghiên cứu này tuân theo các hướng dẫn do Market Research Society (MRS) của Vương quốc Anh và ESOMAR ban hành. Theo mục đích của nghiên cứu này, “lãnh đạo doanh nghiệp” được định nghĩa là những người sáng lập, CEO hoặc thành viên ban điều hành cấp cao (C-suite) trong các tổ chức.

“Công dân” là các thành viên của công chúng có tính đại diện trên toàn quốc, dựa trên số liệu điều tra dân số mới nhất hiện có.

Nếu có câu hỏi liên quan đến phương pháp nghiên cứu, vui lòng gửi câu hỏi đến: polling@strandpartners.com.

Tại Việt Nam:

- Chúng tôi đã tiến hành khảo sát với 1.000 công dân có tính đại diện trên toàn quốc, bảo đảm tính đại diện theo độ tuổi, giới tính và khu vực.
- Ngoài ra, chúng tôi khảo sát 1.000 lãnh đạo doanh nghiệp, bảo đảm tính đại diện theo quy mô doanh nghiệp, ngành và khu vực.

Lấy mẫu:

Quy trình lấy mẫu của chúng tôi sử dụng kết hợp các nhóm mẫu trực tuyến được công nhận về tính hợp lệ và độ tin cậy. Các nhóm mẫu này được tuyển chọn và quản lý cẩn thận nhằm bảo đảm tính đa dạng đại diện giữa các nhóm nhân khẩu học khác nhau. Đối với lãnh đạo doanh nghiệp, các nhóm mẫu được lựa chọn có xét đến quy mô tổ chức, ngành và chức vụ của người trả lời trong doanh nghiệp. Mục tiêu của chiến lược lấy mẫu là tạo ra một cơ cấu mẫu tối ưu, phản ánh sát nhất phân bố thực tế của các nhóm đối tượng mục tiêu tại từng thị trường tương ứng.

Phương pháp gia quyền:

Sau khi thu thập dữ liệu, chúng tôi áp dụng phương pháp gia quyền tỷ lệ lặp để điều chỉnh những sai lệch hoặc tình trạng đại diện quá mức trong mẫu.

Khảo sát:

Nghiên cứu này được thiết kế nhằm đi sâu tìm hiểu bức tranh công nghệ số:

- **Mô hình sử dụng:** Khảo sát đánh giá những xu hướng đang thay đổi trong việc sử dụng công nghệ số. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc xem xét mức độ ứng dụng và triển khai công nghệ, tập trung vào điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo.
- **Nhận thức và Thái độ:** Khảo sát tìm hiểu những nhận thức và thái độ phổ biến đối với công nghệ số, qua đó làm rõ những lợi ích, thách thức và tác động tiềm tàng được nhận thức của cả các giải pháp công nghệ hiện tại và mới phát triển.
- **Rào cản và Cơ hội:** Khảo sát xem xét những thách thức dự kiến và những hướng phát triển tiềm năng mà doanh nghiệp và cá nhân dự đoán sẽ gặp phải trên hành trình chuyển đổi số. Nội dung này bao gồm việc xác định các thách thức, từ thiếu hụt kỹ năng đến những vấn đề phức tạp về quy định, đồng thời nhận diện các cơ hội tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường.
- **“Quy mô giá trị tiềm năng”:** Khảo sát làm rõ những tác động kinh tế và triển vọng tăng trưởng gắn với quá trình chuyển đổi số. Bằng cách làm rõ “quy mô giá trị tiềm năng”, chúng tôi mong muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyển đổi số, đồng thời thúc đẩy đầu tư và ứng dụng công nghệ hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Được tính toán dựa trên các ước tính gần đây của Cục Thống kê về tổng số doanh nghiệp đang hoạt động và đã đăng ký Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/en/px-web/?pxid=E0503&theme=Enterprise>